

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 118/2026/HS-ST

Ngày: 05-5-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Phạm Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2026/QĐHPT-HS ngày 15 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh ngày 12/4/2004, tại tỉnh Kiên Giang (Nay là tỉnh An Giang); CCCD số 091204015619 cấp ngày 19/02/2019; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Đ, tỉnh An Giang); địa chỉ tạm trú: Chùa P, số A, đường Q, phường R, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: Lớp 8/12; nghề nghiệp: Tu sĩ; con ông Trần Thanh H, sinh năm 1977 và bà Thị K, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 2000, đã chết.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1977 CCCD số 091077009543 cấp ngày 11/8/2021 và bà Thị K, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang, là cha mẹ của bị hại. Ông H có mặt. Bà K vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Trần Thị Thùy D, sinh ngày 30/7/2004; CCCD số 074085010053 ngày 09/8/2021; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Ông Từ Ngọc C, sinh ngày 01/01/1977; CCCD số 074077007173 ngày 27/12/2021; địa chỉ: Tổ C, khu phố B, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trần Văn Q và Trần Thị Thu L là chị em ruột với nhau. Trần Văn Q không có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định.

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 24/02/2021, Trần Văn Q điều khiển xe mô tô hiệu Yamai-tax, biển số 61E1-018.16 chở theo 02 người ngồi phía sau, gồm Trần Thị Thùy D (là chị họ, ngồi giữa) và Trần Thị Thu L (là chị ruột, ngồi sau cùng), lưu thông trên đoạn đường T hướng từ đường B về đường L. Khi điều khiển xe đi đến đoạn gần tới Công ty K1 thuộc khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) thì Q nghe tiếng động lạ phía sau nên quay đầu lại để nhìn. Do không làm chủ được phương tiện, không quan sát phía trước nên Q đã điều khiển xe dừng vào trụ đèn chiếu sáng ở lề đường bên phải cùng chiều làm cả 03 người té ngã xuống đường. Sau khi xảy ra tai nạn, Q, D và L được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh B để điều trị. Đến trưa ngày 25/02/2021, L bị thương tích nặng nên đã tử vong tại Bệnh viện.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra (CQCSĐT) khám nghiệm hiện trường, phương tiện, khám nghiệm tử thi và thu giữ vật chứng, tài liệu liên quan đến vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu Yamai-tax, biển số 61E1-018.16 và giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân của Trần Văn Q (BL 20).

Kết quả khám nghiệm hiện trường tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 25/02/2021 thể hiện: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đường thẳng. Bề mặt đường được trải nhựa bằng phẳng. Bề rộng đoạn đường là 7m, có vạch kẻ đường màu vàng nét đứt chia thành hai chiều đường, mỗi chiều rộng 3,5m. Vị trí xảy ra tai nạn thuộc làn đường bên phải theo hướng đường B 31 về đường L.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 115/GĐPY ngày 27/02/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh B có nội dung như sau: Nguyên nhân chết của Trần Thị Thu L là chấn thương sọ não, dập não.

Kết luận giám định số 33/KLGĐĐT-PY ngày 13/10/2025 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh A, nêu: Tại thời điểm giám định ngày 08/10/2025, Trần Văn Q có độ tuổi từ 21 năm 6 tháng đến 22 năm (tính tại thời điểm gây tai nạn giao thông, Trần Văn Q có độ tuổi 16 năm 10 tháng 14 ngày).

Kết luận giám định số 680/KL-KTHS ngày 21/01/2026 của Phòng K2 Công an Thành phố H nêu: Xe mô tô biển số 61E1-018.16 gửi giám định có số khung, số máy không bị đục lại số, không có dấu cắt hàn.

Kết quả điều tra cho thấy, xe mô tô biển số 61E1- 018.16 do ông Từ Ngọc C đứng tên chủ sở hữu. Ông C khai đã bán xe máy trên vào năm 2016 (không nhớ người mua). Trần Văn Q xác định xe có nguồn gốc Quý mua lại tại một tiệm sửa xe (không nhớ địa chỉ tiệm) để làm phương tiện đi lại.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu.

Cáo trạng số 149/CT-VKSKV17 ngày 16/3/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Trần Văn Q về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Q về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 91 của Bộ luật Hình sự, Điều 5, Điều 12, khoản 2 Điều 119, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 3 năm.

Người đại diện hợp pháp của bị hại đồng thời là cha ruột của bị cáo ông Trần Thanh H trình bày: Bị cáo và bị hại đều là con ruột của ông. Tai nạn xảy ra là điều không mong muốn, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q. Về trách nhiệm dân sự, ông không yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Thùy D trình bày: Thời điểm xảy ra tai nạn ngày 24/02/2021, bị cáo Q có chở bà cùng với L, khi tai nạn xảy ra bà không bị thương tích gì và cũng bị thiệt hại gì nên bà không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện Kiểm sát truy tố. Bị cáo nhận thấy hành vi đã thực hiện là sai và thấy ân hận về hành vi bị cáo đã gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm công dân tốt. Bị cáo đề nghị không nhận lại xe mô tô biển số 61E1- 018.16 và sung công quỹ xe này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, CQCSĐT Công an Thành phố H, Công an phường T, Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào thời điểm 16 tuổi 10 tháng 14 ngày, đến thời điểm đưa ra xét xử, bị cáo đã trên 18 tuổi, Căn cứ khoản 5 Điều 35 Luật tư pháp người chưa thành niên, không áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 7, Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, các quy định có

lợi cho người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự và Luật Tư pháp người chưa thành niên được áp dụng đối với bị cáo.

[3] Tại phiên tòa, Trần Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, sơ đồ hiện trường, khám nghiệm tử thi và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 24/02/2021, Trần Văn Q không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô hiệu Yamai-tax, biển số 61E1-018.16 chở theo chị họ là Trần Thị Thùy D và chị ruột là Trần Thị Thu L lưu thông trên đoạn đường T 09 hướng từ đường B về đường L. Quý điều khiển xe chở quá số người quy định, không chú ý quan sát nên đã điều khiển xe đụng vào trụ đèn chiếu sáng ở lề đường bên phải theo hướng cùng chiều dẫn đến tai nạn giao thông. Hậu quả sau va chạm, Trần Thị Thu L bị thương tích nặng, đến ngày 25/02/2021, bị tử vong do chấn thương sọ não, dập não. Hành vi của Trần Văn Q vi phạm quy định tại khoản 9, khoản 23 Điều 8 và khoản 1 Điều 30 luật giao thông đường bộ năm 2008 làm chết 01 người, do đó đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 2 điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, sự hoạt động bình thường của các phương tiện và người tham gia giao thông, gây ra hậu quả nghiêm trọng, gây thiệt hại đến tính mạng của bị hại. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận biết không được điều khiển xe mô tô khi chưa có giấy phép lái xe; phải chở đúng số người nhưng vì chủ quan, cẩu thả mà vẫn điều khiển xe dẫn đến bị hại chết. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu do lỗi vô ý, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Thời điểm phạm tội, bị cáo 16 tuổi 10 tháng 14 ngày. Sau tai nạn, Bị cáo vào chùa Đ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, căn cứ khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị ruột của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Xe mô tô biển số 61E1-018.16, do ông Từ Ngọc C đứng tên chủ sở hữu. Ông C khai đã bán xe máy trên vào năm 2016. Q khai xe này của Q mua. Xe không có trong danh mục xe máy vật chứng. Quý không nhận lại xe này và đề nghị sung quỹ Nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và biện pháp tư pháp là phù hợp.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 12, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 90, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 2, Điều 5, Điều 12, khoản 5 Điều 35, khoản 2 Điều 119, Điều 124 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Căn cứ khoản 9, 23 Điều 8, khoản 1 Điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 (Ba) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 05/5/2026.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường R, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc sung công quỹ xe mô tô hiệu Yamai-tax, biển số 61E1- 018.16 đã qua sử dụng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND khu vực 17 TP. Hồ Chí Minh (01);
- P.THADS khu vực 17 TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND phường Rạch Giá, tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huế